

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	TD1	7:25	22	0		22	0	
2	410	P2+BK3	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
3	424	BK10+P10+BK15	7:25	11+6+5	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
4	420	P10+BK4+BK5	7:25	17+5+0	0+0+0		13+8+1	0+0+0	
5	426	PPD	7:25	21	0		22	0	
6	846	P2+P1+P3	9:25	12+5+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
7	410	RP3+P9	9:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
8	420	TD1+CLO	9:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
9	426	P9	9:25	22	0		22	0	CHUYEN 1 PAX TU RP1-
10	424	RP1+RC5+P4	9:25	9+1+7	0+0+0		11+1+10	0+0+0	RC5CHUYEN 2 PAX TU RP1- P4
11	846	P4+BK3	11:25	18+0	0+0		17+5	0+0	
12	410	RC4+RP3+P11	11:25	11+4+1	0+0+0		13+0+9	0+0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/BK3- 3 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - VThắng - Luy - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG SÙNG	TD1	55	1	3		70	ANTOAN	Vietnamese
3	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD1	48	1	5		100	DIEUHANH	Vietnamese
4	HOANG VĂN NAM	TD1	47	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MINH THỊNH	TD1					80	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ QUỐC BẢO	TD1	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1					62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	56	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG ANH TUẤN	TD1	50	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH LUAN	TD1	64	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VIỆT LINH	TD1	61	1	5		98	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	52	1	4	110	65	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	51	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
14	TRANG NGỌC HÙNG	TD1	58	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
15	VU HUU KE	TD1	62-63	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
16	HA KHUONG DUY	TD1	72-73	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
17	LA MINH TU	TD1	57	1	12		55	DVL	Vietnamese
18	NG QUỐC HÙNG	TD1	59	1	10		80	DVL	Vietnamese
19	PHẠM TUNG VY	TD1	53	1	10		65	DVL	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HUƠNG	TD1	60	1	10		100	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH TRUƠNG	TD1	54	1	10		78	DVL	Vietnamese
22	TONG TIEN QUANG	TD1	65	1	15		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	21	149	1.625	110	22		
	TOTAL	22	21	149	1.625	110	22		
	WEIGHT KG			149	1.625	110			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Jan-18	TO: P2 - BK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	12	1	7		71	THONGTIN	Vietnamese
2	PARSHIN	P2	08	1	10		88	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN MANH HUNG	P2	15	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN CUONG	P2	01	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P2	03-04	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG QUOC BAO	P2				55	66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO HUU NGUYEN	P2	02	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG THANH TRUNG	P2	07	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
10	BIÊN ĐANG SÂM	P2	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH UT	P2	06	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHI HAO	P2	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THỌ	BK3	36	1	4		88	DIEUHANH	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG THANG	BK3					72	DIEUHANH	Vietnamese
15	NGO ĐỨC HAI	BK3	35	1	2		77	DIEUHANH	Vietnamese
16	NGUYEN HONG PHUOC	BK3	37	1	10		71	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐO VĂN TU	BK3					74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VINH	BK3	73	1	3	35	68	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	34	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEN	BK3	38	1	6		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN ĐỨC MÃN	BK3	39	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MAI CUONG	BK3					60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	11	72	851	55	10		
2	BK3	10	7	38	714	35	12		
TOTAL		22	18	110	1.565	90	22		
WEIGHT KG				110	1.565	90			

GRAND TOTAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Jan-18	TO: BK10 - P10 - BK15	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:55
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU - TDUNG - CUƠNG	ETA: 09:35
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHENSHYN	BK10	88	1	5		104	KH-THAC	Russian
2	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	87	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CHÂU NAM	BK10	91	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK10	93	1	6	20	66	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK10	86	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH XANH	BK10	90	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
7	HA CHIEN THANG	BK10	92	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HIEN TRUONG	BK10	83	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC SƠN	BK10	84	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHUÔNG	BK10	89	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	85	1	5		61	PSV	Vietnamese
12	BADIKOV M.E	P10	63	1	5		69	KH-THAC	Russian
13	TRẦN HUNG MÊN	P10	65	1	6	5	64	YTE	Vietnamese
14	EVSEEV.O.V	P10	62	1	7		95	KH-THAC	Russian
15	TRẦN KIM NGỌC	P10	64	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC KHANH	P10	61	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HUNG	P10	66	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PODYMOV.D.N	BK15	53	1	7		141	KH-THAC	Russian
19	PHAN QUANG HOANG	BK15	56	1	10	53	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG KHA	BK15	58	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU TIEN THANH	BK15	54-55	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	57	1	7		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	11	11	67	785	20	6		
2	P10	6	6	36	456	5	11		
3	BK15	5	6	41	436	53	5		
TOTAL		22	23	144	1.677	78	22		
WEIGHT KG				144	1.677	78			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: P10 - BK4 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - DKHANH	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG SY NGUYEN	P10	05	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN HUONG	P10	03	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH KHOA	P10	02	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN HUU TRI	P10	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TO HIEN THANH	P10	14	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHANH TOAN	P10	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG VAN HOI	P10	08	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET ANH	P10	01	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC PHI	P10	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUOC TIEN	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LONG	P10					64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO ĐINH VAN	P10	09	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NAM	P10	11	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN TRONG MANH	P10	06	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH CONG VAN	P10	10	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO LEMH ĐAO	P10	15-16	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH XUAN QUAN	P10	04	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	IAKHIN	BK4	53	1	11		85	KH-THAC	Russian
19	TONG TRUNG HUY	BK4	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN ĐUC BA	BK4	55	1	5	52	82	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOAN NGUYEN BAO CHAU	BK4	56	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
22	HO VAN ĐUC	BK4	54	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	16	89	1.202	50	13		
2	BK4	5	5	32	367	52	8		
3	BK5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	121	1.569	102	22		
WEIGHT KG				121	1.569	102			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - MQUÂN	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	68	1	5		90	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	PPD					68	KHI	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	75	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG HỒNG QUAN	PPD	77	1	5		76	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC THỤ	PPD	81	1	5		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	78	1	5	67	74	KHI	Vietnamese
7	HA THE BAO	PPD	83	1	5	10	75	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	80	1	7		85	KHI	Vietnamese
9	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	72	1	5		66	KHI	Vietnamese
10	LE HỒNG PHONG	PPD	76	1	5		72	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	67	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	69	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	79	1	5		67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	84	1	3		70	KHI	Vietnamese
15	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	71	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	TRƯƠNG HAI HÀ	PPD	82	1	4		69	KHI	Vietnamese
17	DOAN VIẾT ĐIẾP	PPD	85	1	8		70	KHI	Vietnamese
18	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	86	1	5		80	KHI	Vietnamese
19	LE HUY VINH	PPD	70	1	4		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	74	1	5		55	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	73	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	DANG TRAN LONG	PPD	95	1	5		67	NHON TRA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	106	1.544	77	22		
	TOTAL	22	21	106	1.544	77	22		
	WEIGHT KG			106	1.544	77			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: P2 - P1 - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - VThắng - Luy - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE KHUONG	P2	41	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	TO DINH TUYEN	P2	42	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN DONG	P2	44	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VAN HOI	P2	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MINH QUAN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
6	DO TUAN VIET	P2	47	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN ANH	P2	49	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG KHOI	P2	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CHI HUONG	P2	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN PHONG	P2	50	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	LE MANH HUNG	P2	43	1	5		78	ANTOAN	Vietnamese
13	LE THI KIM OANH	P1	09-10	2	10		58	PSV	Vietnamese
14	LE HONG MINH	P1	08	1	5	70	67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN KHANH CHAN	P1					63	PSV	Vietnamese
16	PHAN SY HOAN	P1	07	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THI KIM TUYEN	P1	55-56	2	10		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	11	62	816	0	11		
2	P1	5	6	30	318	70	8		
3	P3	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		17	17	92	1.134	110	22		
WEIGHT KG				92	1.134	110			

GRAND TOAL: 1.336 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Jan-18	TO: RP3 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - HIẾU	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG NAM	RP3	68	1	5		84	KHI	Vietnamese
2	VU MANH CUONG	RP3	50	1	3		62	KHI	Vietnamese
3	LE HOANG ANH	RP3	69	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	BUI VAN PHU	RP3	59	1	4		72	KHI	Vietnamese
5	KRYLOV D.A	RP3	72,75	2	15		106	KHI	Russian
6	NGUYEN THANH HA	RP3	54	1	8		64	KHI	Vietnamese
7	ĐANG HUY KHANH	RP3	70-71	2	10		80	KHI	Vietnamese
8	LE XUAN HIEN	RP3	53	1	3		76	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HAI SANG	RP3	52	1	5	30	55	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BINH	RP3	56	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	LAI VAN MINH	RP3	55	1	5		62	KHI	Vietnamese
12	NINH QUOC HOI	RP3	67	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	64	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MANH HUNG	RP3	51	1	12		71	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HA	RP3	66	1	5		83	PSV	Vietnamese
16	HO NGOC THANH	RP3	58	1	5		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN VY	RP3	57	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	TRAN THANH HAI	RP3	60	1	3		54	PSV	Vietnamese
19	MAI VAN HUNG	RP3	63	1	6		53	PSV	Vietnamese
20	PHAM THE CUONG	RP3	65	1	4		65	PSV	Vietnamese
21	LE VAN CHI	RP3	62	1	3		54	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN DUY CHINH	RP3	61	1	3		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	126	1.483	30	16		
2	P9	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	24	126	1.483	30	22		
WEIGHT KG				126	1.483	30			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO -	ETA: 11:30
VANG-2		DKHÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAO VAN YEN	TD1	77	1	10		60	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN VINH KHA	TD1	75	1	10		65	DVL	Vietnamese
3	VU HAI THANG	TD1	79	1	10		74	DVL	Vietnamese
4	PHAM XUAN HUNG	TD1	78	1	10	15	66	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC NINH	TD1	74	1	10		71	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN THIEU BINH	TD1	82-83	2	16		57	DVL	Vietnamese
7	TANG TIEN TOAN	TD1	80-81	2	18		74	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN DINH SAN	CLO	54	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO NGOC HOAN	CLO	59	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
10	KIRICHENKO K.P	CLO	55	1	5		78	KHOAN	Russian
11	VUONG NGOC HOAN	CLO	62	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN CONG PHU	CLO	57	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TUONG LONG	CLO	60	1	5	40	74	KHOAN	Vietnamese
14	VU THE NANG	CLO	52	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	ĐANG KIM DUONG	CLO	51	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VIET THANG	CLO	61	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
17	VU MINH TU	CLO	58	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN LONG	CLO	50	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	LE VAN ĐONG	CLO	53	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN TAM	CLO	63	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	56	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
22	MAI SINH CUNG	CLO	64-65	2	13		64	THONGTIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	9	84	467	15	6		
2	CLO	15	16	82	1.059	40	16		
TOTAL		22	25	166	1.526	55	22		
WEIGHT KG				166	1.526	55			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - MQUÂN	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG DUNG	P9	41	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
2	HO DUC HIEN	P9	36	1	8		52	YTE	Vietnamese
3	ĐAU THE HAI	P9	25	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH HAI	P9	42	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC LONG	P9	30	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TAM THUY	P9	40	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
7	LE LANG TU	P9	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN HUONG	P9	26	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOAI THANH	P9	37	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HUAN	P9	33	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH HUY KHIEM	P9	29	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	P9	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC TIEN	P9	35	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	P9	28	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	P9	32	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN NGOC DO	P9	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DA KHA	P9	34	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HUA SAY	P9	38	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THANH	P9	43	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI XUAN THUY	P9	24	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
21	HA QUANG TRUNG	P9	44	1	10		51	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	21	21	122	1.414	0	22		
	TOTAL	21	21	122	1.414	0	22		
	WEIGHT KG			122	1.414	0			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: RP1 - RC5 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: MTHANG - VTHU -	ETA: 11:45
CAM-2		TDUNG - CUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU ĐỨC	RP1	80-82	3	20		81	THONGTIN	Vietnamese
2	VU ANH MINH	RP1	73-74	2	12		70	THONGTIN	Vietnamese
3	NGUYEN VIET THANH	RP1	77	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH CONG	RP1	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH BANG	RP1	72	1	4	40	84	PSV	Vietnamese
6	DUONG TRUG KIEN	RP1	78	1	9		78	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG VAN THUAN	RP1	76	1	8		81	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	75	1	7		64	PSV	Vietnamese
9	HOANG NGOC TOAN	RP1					65	PSV	Vietnamese
10	VU MINH ĐỨC	RC5	96	1	13	20	95	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TRUNG	P4	79	1	4		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HẠNH	P4					70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HONG PHUC	P4	84	1	5	40	70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG KIEM	P4	81-82	2	19		79	KHI	Vietnamese
15	NGÔ VĂN HÀ	P4					70	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	80	1	3		54	KHI	Vietnamese
17	HOANG VAN HUNG	P4	83	1	5		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	11	73	656	40	11	3	CHUYEN 1 PAX RP1-RC5; CHUYEN 2 PAX RP1-P4
2	RC5	1	1	13	95	20	1		
3	P4	7	6	36	485	40	10		
TOTAL		17	18	122	1.236	100	22		
WEIGHT KG				122	1.236	100			

GRAND TOAL: 1.458 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Jan-18	TO: P4 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh G - Luy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUAN HUYEN	P4	57	1	4		72	KHI	Vietnamese
2	PHAM HUU THO	P4	53	1	5		67	KHI	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG TAN	P4	56	1	5		73	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THAI	P4	59	1	4		63	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ANH	P4	50	1	4	20	62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	55	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THỬA THAI	P4	61-62	2	19		63	CODIEN	Vietnamese
8	BUI ĐỨC HẬU	P4	63	1	10	20	65	CODIEN	Vietnamese
9	ĐỖ HOA VINH	P4	51	1	5		84	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NAM	P4	45	1	5		79	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ THANH CHUÔNG	P4	58	1	3		64	PSV	Vietnamese
12	LƯU ĐÌNH THAI	P4	46	1	5		56	PSV	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	52	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	VÕ VĂN DŨNG	P4	54	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	44	1	8		70	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN AI	P4	49	1	5		63	PSV	Vietnamese
17	LE VĂN LINH	P4	47	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	LE ĐẶC NHA	P4	48	1	4		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	19	105	1.208	40	17		
2	BK3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	19	105	1.208	40	22		
WEIGHT KG				105	1.208	40			

GRAND TOAL: 1.353 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2018	TO: RC4 - RP3 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: HÒi - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG QUYET THANG	RC4	97	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN DONG	RC4	99	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	RC4	3000	1	10	65	76	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DUC SANG	RC4	98	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HUU HA	RC4	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ZAKHAROV S.	RC4	80	1	7		55	NPI	Russian
7	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	76	1	3		67	PSV	Vietnamese
8	CAO MINH HOANG	P11	75	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO VIET HAI	P11	76	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NG.TRUONG NHAT MINH	P11	72	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CONG HOANG	P11	80	1	7	70	77	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI CONG LAN	P11	77	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN CO	P11	74	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN TUAN	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU ĐANG HOANG	P11	78-79	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN SINH	P11	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TUAN	P11	81-82	2	3		77	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HIEN	P11	71	1	4		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	6	58	405	65	0		
2	RP3	1	1	3	67	0	9		
3	P11	11	12	59	747	70	13		
TOTAL		18	19	120	1.219	135	22		
WEIGHT KG				120	1.219	135			

GRAND TOAL: 1.474 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	TD5+TD2+P9	7:25	2+16+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
2	410	RP2+VSP02	9:25	22+0	0+0		20+1	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Jan-18	TO: TD5 - TD2 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - DKHÁNH	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN SƠN	TD5	96	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ HẢI LONG	TD5	97	1	7	25	70	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG MINH HAI	TD2	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THỌ DUONG	TD2	73	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
5	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	71	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUẤN	TD2	76	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN BAC	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
8	CAO ĐÌNH THANH	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN ĐẠO	TD2	74	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGỌC ĐO	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO VĂN CUƠNG	TD2	75	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG ĐÌNH THANG	TD2	77	1	5	212	55	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN HÙNG	TD2	70	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HUY	TD2	69	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN NHA	TD2	81-82	2	10		68	DIEUHANH	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC HÙNG	TD2	83	1	10		77	DIEUHANH	Vietnamese
18	BABUSHEV	TD2	68	1	5		90	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	2	17	147	25	0		
2	TD2	16	13	96	1.128	212	19		
3	P9	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		18	15	113	1.275	237	22		
WEIGHT KG				113	1.275	237			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Jan-18	TO: RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - DKHÁNH	ETA: 11:10
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP2					76	KHOAN	Vietnamese
2	LE HÔNG QUAN	RP2	74	1	3	22	58	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN BA LUONG	RP2					65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MEN	RP2	69-70	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOC	RP2	60	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG THUY	RP2					66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HAU	RP2	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HOA	RP2	62	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
9	NGHIEM DINH TUAN	RP2	61	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC TUAN	RP2	64	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VAN THANH	RP2	65	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN PHI HUNG	RP2	67	1	5	90	82	KHOAN	Vietnamese
13	LE XUAN TUYEN	RP2					61	KHOAN	Vietnamese
14	VU DUC THANH	RP2	68	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH TRUNG NGHIA	RP2	63	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM TIEN VINH	RP2	71	1	11		82	KHOAN	Vietnamese
17	VU VAN TRUNG	RP2	73	1	12		77	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM	RP2	77-78	2	15		70	DVL	Vietnamese
19	MULNIUCHKIN V.V	RP2	72	1	15		92	DVL	Russian
20	DO NGOC DUYEN	RP2	66	1	7		76	DVL	Vietnamese
21	LA QUY DANH	RP2	79	1	11		62	DVL	Vietnamese
22	CHU DINH THANH	RP2	58	1	5		51	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	20	139	1.549	112	20		
2	VSP02	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	139	1.549	112	21		
WEIGHT KG				139	1.549	112			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	TD5+P8+TTC1	7:25	21+0+1	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
2	420	TD5+P5+TTC2	9:25	11+3+0	0+0+0		14+0+6	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-Jan-18	TO: TD5 - P8 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEINK IVAN	TD5	96	1	6		75	KHOAN	Russian
2	UVAISHOV A.X	TD5					95	KHOAN	Russian
3	NGUYEN NAM CUONG	TD5	497	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN HUU THO	TD5	84	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGO DINH HUNG THAI	TD5	21	1	4	50	80	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM HUNG DUONG	TD5	87	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	TD5	86	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH AI HUU	TD5	85	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
9	VU HUNG ANH	TD5	88	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THANG LOI	TD5					64	KHOAN	Vietnamese
11	VU LONG PHI	TD5	20	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
12	HO MINH TRINH	TD5	498	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
13	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	499	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
14	DINH VAN SU	TD5	95	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	TD5	97	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM QUANG NGU	TD5	700	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DUY ĐUC	TD5	99	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	VI HUNG CUONG	TD5	83	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN ANH	TD5	98	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU LOC	TD5	500	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MINH HIEU	TD5	94	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM HUYNH VU	TTC1	33	1	11	40	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	19	93	1.608	50	20		
2	P8	0	0	0	0	0	1		
3	TTC1	1	1	11	68	40	1		
TOTAL		22	20	104	1.676	90	22		
WEIGHT KG				104	1.676	90			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-Jan-18	TO: TD5 - P5 - TTC2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - XHOÀN - NNam	ETA: 11:10
CAN-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN LOI	TD5	28	1	10	23	69	NHA THAU	Vietnamese
2	NGUYEN ĐANG HUNG	TD5	24-25	2	13	24	59	NHA THAU	Vietnamese
3	LUU HOANG	TD5	29	1	10		57	NHA THAU	Vietnamese
4	SIDORSKY	TD5	96	1	13		92	ANTOAN	Russian
5	PHAM VAN NAM	TD5	23	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN MINH	TD5	22	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI XUAN NGOC	TD5					66	XAYLAP	Vietnamese
8	TRINH NGOC THAO	TD5	97	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN ĐUC HIỆP	TD5					70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THANG	TD5	26-27	2	16		52	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐANG DUY DUNG	TD5	98	1	6		65	XAYLAP	Vietnamese
12	HLYBOVSKY	TD5	95	1	8		86	KH-THAC	Russian
13	VU DOAN HUNG	TD5	87	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN CHANH	TD5	99	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THE HOI	TD5	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DINH LOI	TD5	94	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN MANH QUE	TD5	88	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	TA TRUNG DUNG	TD5	93	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO DUY TIỆP	P5				40	82	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC VIỆT	P5	45	1	10	30	105	XAYLAP	Vietnamese
21	HO DINH LOC	P5	47	1	8		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	18	161	1.241	47	14		
2	P5	3	2	18	261	70	0		
3	TTC2	0	0	0	0	15	6		
TOTAL		21	20	179	1.502	132	20		
WEIGHT KG				179	1.502	132			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN